

LƯỢNG THỨC

Nguyễn Thị Thu Hiền dịch

TƯ DUY KINH TẾ

50 bài giảng để hiểu
quy luật làm giàu

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC



MỤC LỤC

Lời giới thiệu	7
Lời nói đầu	15

PHẦN 1. BẢN CHẤT CON NGƯỜI VÀ THỊ TRƯỜNG

Bài giảng 01: Sự thiếu hụt	22
Bài giảng 02. Giao dịch	28
Bài giảng 03. Bán hàng	32
Bài giảng 04. Giá cả	35
Bài giảng 05. Nhu cầu	38
Bài giảng 06. Cung cấp	41
Bài giảng 07. Phân công	46
Bài giảng 08. Lương	54
Bài giảng 09. Thương mại	62
Bài giảng 10. Thương nhân	65
Bài giảng 11. Cạnh tranh	71
Bài giảng 12. Thị trường	76

PHẦN 2. TÀI SẢN VÀ ĐẠO ĐỨC

Bài giảng 13. Tiền bạc	80
Bài giảng 14. Tiền tệ	86

Bài giảng 15. Lạm phát	93
Bài giảng 16. Giảm phát	97
Bài giảng 17. Quyền sở hữu tài sản.....	114
Bài giảng 18. Tiền vốn	122
Bài giảng 19. Kiếm tiền.....	126
Bài giảng 20. Phô trương sự giàu có	130
Bài giảng 21. Nghèo khó	135
Bài giảng 22. Đạo đức.....	139
Bài giảng 23. Từ thiện.....	142
Bài giảng 24. Chi phí	146
Bài giảng 25. Toàn cầu hóa.....	149

PHẦN 3. SỰ THỊNH HÀNH VÀ SỰ THẬT

Bài giảng 26. Lý trí	155
Bài giảng 27. Bong bóng.....	163
Bài giảng 28. Giá trị.....	172
Bài giảng 29. Quảng cáo.....	177
Bài giảng 30. Tiêu dùng	180
Bài giảng 31. Giải trí.....	183
Bài giảng 32. Hạnh phúc	186
Bài giảng 33. Phúc lợi.....	190
Bài giảng 34. Chiến tranh	197
Bài giảng 35. Hiệu ứng Matthew.....	202

Bài giảng 36. Tầng lớp cố định	206
Bài giảng 37. Thương mại quốc tế	213
Bài giảng 38. Quyền sở hữu trí tuệ	217
Bài giảng 39. Thông tin bất đối xứng	222

PHẦN 4. NHẬN THỨC VÀ VẬN MỆNH

Bài giảng 40. Nhận thức	228
Bài giảng 41. Xuất thân	232
Bài giảng 42. Đọc sách	235
Bài giảng 43. Giáo dục	240
Bài giảng 44. Cạnh tranh nội bộ	245
Bài giảng 45. Bình thản	249
Bài giảng 46. Tương lai	253
Bài giảng 47. Giao tiếp xã hội	256
Bài giảng 48. Học hành	263
Bài giảng 49. Tư duy	268
Bài giảng 50. Phương pháp	275
Lời kết	281

LỜI GIỚI THIỆU

Cũng giống như khoa học tự nhiên là khám phá về các hiện tượng tự nhiên, thì kinh tế học là khám phá về các hiện tượng xã hội. Giống như quá trình khám phá lâu dài của khoa học tự nhiên, việc các nhà kinh tế học phát hiện ra nguyên lý phân công hợp tác cơ bản nhất của xã hội loài người cũng đã trải qua một quá trình lâu dài và quanh co. Dưới đây xin nói rõ về tính chất của kinh tế học trước, sau đó sẽ nói đến tính quan trọng của nó.

Chủ đề của “Quốc phú luận” là khám phá bí mật của sự giàu có, Adam Smith lấy sự giàu có làm đối tượng khảo sát và cho rằng phân công là nguyên nhân của sự giàu có. Phân công có thể được coi là nguyên nhân thật sự của sự giàu có, tuy nhiên Adam Smith đã không sử dụng chủ nghĩa cá nhân phương pháp luận và chủ nghĩa chủ quan, ông cũng không đưa ra giải thích đầy đủ về nguyên nhân sinh ra phân công. Trên thực tế, phân công là sản phẩm hành động của các nhà doanh nghiệp, hoặc có thể nói, phân công là khái niệm liên quan đến tinh thần của các nhà doanh nghiệp. Hệ thống lý luận của Adam Smith không xuất phát từ khái niệm nhà doanh nghiệp, cho nên ông cũng không giải thích rõ về hợp tác (phân công) mà chỉ miêu tả phân công. Ông đưa ra giả thiết là phân công

hợp tác đã tồn tại (dùng “bàn tay vô hình” để so sánh) và cũng lấy đây là điểm bắt đầu của kinh tế học, nhưng phân công tại sao lại tồn tại thì đúng là cần phải giải thích. Do không giải thích phân công nên ông cũng không giải thích sự bí ẩn của giàu có. Trên thực tế, ông đưa ra một lý luận “phân phối tài sản”. Sự phân phối tài sản này dựa trên cơ chế cân bằng, thực hiện theo phương thức của “bàn tay vô hình”.

Cuộc cách mạng cận biên xảy ra vào cuối thế kỷ 19 đã đưa ra cơ sở lý luận để giải thích “phân công được thực hiện như thế nào”. Trong cuộc cách mạng cận biên, lý luận giá trị chủ quan đã thay thế cho lý luận giá trị khách quan của kinh tế học cổ điển, chủ nghĩa cá nhân phương pháp luận đã thay thế cho chủ nghĩa tổng thể phương pháp luận, như vậy chính là đã đưa ra được công cụ lý luận để giải thích phân công. Vì phân công là kết quả của hành động cá nhân, hành động của cá nhân lại có thể được coi là “lựa chọn” của cá nhân, mà lý luận hiệu dụng cận biên lại có thể chứng minh rất rõ cá nhân tại sao lại đưa ra lựa chọn.

Nhưng điều đáng tiếc là, trong cuộc cách mạng cận biên, hai nhà kinh tế học Jeons và Walras đã không dùng tư tưởng hiệu dụng cận biên để nói rõ về “phân công”, mà lại dùng để nói rõ về “cân bằng”. Họ nói về “hành động” (lựa chọn) của con người, đơn giản hóa con người thành hàm số hiệu dụng, và đưa ra giả thiết rằng “hành động” của con người tuân theo điều kiện tối ưu của cận biên một cách bị động. Tuy nhiên, giải thích của họ về cân

bằng không tương đương với giải thích về phân công, bởi vì cân bằng là một “trạng thái”, còn phân công là một “quá trình”. Chúng ta có thể cho rằng mỗi một trạng thái đều là trạng thái cân bằng, sau đó dùng một số nhân tố để giải thích nó, nhưng như vậy thì không có ý nghĩa lắm, hoặc cũng giống như là không giải thích.

Ngược lại, một nhà tư tưởng trong cuộc cách mạng cận biên Menger đã giữ lại con người trên ý nghĩa bản thể, cũng có nghĩa là không đơn giản hóa con người thành hàm số hiệu dụng, mà cho rằng con người có đủ khả năng đưa ra phán đoán về tầm quan trọng của việc thỏa mãn nhu cầu, con người trên ý nghĩa này chính là nhà doanh nghiệp. Mises thành lập “praxeology – kinh tế học hành vi” trên cơ sở của Menger, nó là lý luận chung thật sự có liên quan đến vấn đề phân công hợp tác, nó không chỉ có thể giải thích về phân công, mà còn trả lời được cho câu hỏi chưa được trả lời của Adam Smith, chính là vấn đề nguồn gốc của sự giàu có. Sự nỗ lực của Mises cũng đã biến kinh tế học từ một môn khoa học mang tính giải thích dựa trên khái niệm cân bằng thành một môn khoa học xã hội tổng quát liên quan đến vấn đề quy luật hợp tác xã hội. Chúng ta có thể nhận thấy rằng, vấn đề mà các nhà kinh tế học tìm kiếm mấy trăm năm cuối cùng đã tìm ra câu trả lời tốt nhất về tính độc đáo và giá trị tồn tại của môn khoa học này.

Kinh tế học (praxeology – hành vi học, cũng là “kinh tế học” được đề cập dưới đây) của Mises nói rõ nguyên

tắc phân công hợp tác. Mỗi một con người trong xã hội đều không thể rời xa cơ sở vật chất mà phân công hợp tác tạo ra, cho dù là ở trạng thái ý thức nào. Từ góc độ ý nghĩa này, kinh tế học cấu thành logic cơ bản của hợp tác xã hội. Kinh tế học là lý luận chính xác, tiên nghiệm, điều này làm cho nó không giống với các môn khoa học xã hội khác như chính trị, lịch sử, lý luận học và luật học, những môn này phần lớn là môn khoa học mang tính giải thích. Trên thực tế, tất cả các môn khoa học xã hội khác đều phải dựa trên phương pháp luận được cung cấp bởi kinh tế học, ví dụ như chủ nghĩa cá nhân phương pháp luận và chủ nghĩa chủ quan, điểm này chúng ta có thể thấy trong nghiên cứu của Max Weber. Điều này có nghĩa là kinh tế học cấu thành điểm xuất phát và phương pháp chung cho tất cả các môn khoa học xã hội khác, trở thành “môn khoa học mẹ” cho chúng.

Kiến thức liên quan đến phân công hợp tác trong kinh tế học là tinh túy của văn minh, nó vượt qua văn hóa, chế độ và chính sách. Trên thực tế, bất kỳ nền văn hóa, chế độ và chính sách nào cũng đều phải tuân theo nguyên tắc của phân công hợp tác. Các quốc gia, văn hóa, chế độ và chính sách khác nhau có thể cùng tồn tại trên cơ sở tuân theo nguyên tắc của phân công hợp tác. Tuy nhiên, những người theo chủ nghĩa thực chứng và trường phái lịch sử học không nhìn thấy điểm này. Họ rút ra kết luận từ việc quan sát và phủ định sự tồn tại của nguyên tắc ấy. Điều này khiến cho xã hội trở thành một đối tượng có thể tùy ý định hình, tất yếu sẽ dẫn đến sự

phá vỡ phân công hợp tác và sự suy giảm tiêu chuẩn của phúc lợi xã hội. Từ góc độ ý nghĩa này, đó là sự phủ định đối với kinh tế học.

Hayek đã từ cấp độ triết học chính trị mở rộng nguyên lý phân công hợp tác do Mises phát hiện. Hayek nhấn mạnh “vô tri (không hiểu biết)” hoặc “thiếu lý trí”, trong khi Mises nhấn mạnh “lý trí”, họ gần như không đồng nhất với nhau, nhưng đây là hai cấp độ khác nhau. “Thiếu lý trí” không có nghĩa là con người không thể nhận thức được nguyên tắc, cũng có thể nói rằng, “thiếu lý trí” không phải bài trừ “con người cần lý trí”, tức là hiểu và tuân theo nguyên tắc của phân công hợp tác. Sự thật thì, những nguyên tắc này cũng chính là những cái mà Hayek nhấn mạnh nhiều lần. Ông cho rằng chỉ có tuân theo nguyên tắc mới có thể tạo ra chế độ “tốt”.

Giống như quy luật tự nhiên, quy tắc của phân công lao động mà kinh tế học chỉ ra rất “cứng”, nếu như một xã hội vi phạm điều này, thì xã hội này sẽ phải chịu trừng phạt. Cho dù là chính phủ hùng mạnh như Liên Xô cũng không thể chống lại những quy tắc phân công hợp tác mà kinh tế học chỉ ra. Bi kịch của nền kinh tế kế hoạch chính là vì những quy luật như vậy không được hiểu và tuân theo. Ví dụ, khi mọi người muốn để cho cuộc sống của mình được tốt hơn thì cần phải theo đuổi những biện pháp phù hợp với quy tắc này nhằm thực hiện mục tiêu đó. Tuy nhiên trong rất nhiều trường hợp, do họ không hiểu về kinh tế học, nên họ sử dụng những biện pháp tương phản, khiến

cho tình hình của họ càng trầm trọng hơn. Trong thế kỷ 20, chính sách kinh tế kế hoạch mà rất nhiều quốc gia thực thi chính là biểu hiện của sự không hiểu biết về các quy tắc kinh tế học. Trước mắt, các loại can thiệp này vẫn tiếp tục tồn tại, đây cũng là biểu hiện của sự không hiểu biết đối với kinh tế học. Tất nhiên, sự phổ biến của chủ nghĩa can thiệp cũng liên quan đến sự phổ biến của kinh tế học “xấu”, điều này chắc chắn dẫn đến việc phá hủy phân công hợp tác thị trường, giảm thấp phúc lợi cộng đồng.

Căn cứ theo quy tắc của phân công hợp tác, chúng ta có thể phân biệt “kinh tế thị trường” và “chủ nghĩa trọng thương”. Chủ nghĩa trọng thương đã bị Adam Smith chỉ trích, nhưng nó không biến mất mà còn có xu hướng ngày càng phát triển, các loại chính sách công nghiệp khác nhau chính là ví dụ. Khác biệt cơ bản giữa kinh tế thị trường và chủ nghĩa trọng thương ở chỗ kinh tế thị trường có đặc trưng là tuân theo quy tắc hợp tác mà kinh tế học chỉ ra, còn chủ nghĩa trọng thương chỉ ra việc theo đuổi lợi ích tốt nhất của chính mình và coi thường quy luật, nói một cách dễ hiểu chính là “chỉ vì lợi ích”. Đối với nền kinh tế thị trường, chủ nghĩa trọng thương mang tính phá hoại. Rất nhiều người lý giải kinh tế học từ góc độ của chủ nghĩa trọng thương, cho rằng kinh tế học là môn khoa học có liên quan đến “tư lợi”, nhưng điều này là sai. Ngược lại, kinh tế học là môn khoa học có liên quan đến “quy tắc hợp tác”, không phải dạy con người ta “tư lợi”, mà là dạy con người ta tuân theo quy tắc phân công hợp tác.